

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 771/2023/KDTM-PT
Ngày 24 tháng 7 năm 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Ông Đỗ Quốc Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Lê Thị Mỹ Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 597/2023/KDTM-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2336/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Siêu thị V.

Trụ sở: 46-48 đường Nguyễn Cơ T, phường An Lợi Đ, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1979 và bà Phan Thị Ánh D, sinh năm 1997 (cả 02 có mặt)

Cùng địa chỉ: 46-48 đường Nguyễn Cơ T, phường An Lợi Đ, thành phố T, Thành phố H

(Theo Giấy ủy quyền số 14/2023/UQ ngày 13/03/2023).

Bị đơn: Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ.

Trụ sở: 27/2, Đường số 147, Khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố H.

Người đại theo pháp luật cho bị đơn: Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1972 – Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

* Người kháng cáo: Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/07/2019 quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/06/2018 giữa Công ty Cổ phần Siêu thị V (sau đây gọi tắt là Công ty S) - Bên bán và Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) - Bên mua đã ký kết Hợp Đồng kinh tế số 988/2018/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Nhà máy nông sản T tại G, Tây N.

Từ khi giao kết hợp đồng, Công ty S đã bắt đầu cấp bê tông thương phẩm cho Công ty Đ và đã xuất các Hóa đơn GTGT cho Công ty Đ làm cơ sở thanh toán, với tổng số tiền bê tông thương phẩm đã cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là: 2.035.950.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty S với tổng số tiền là: 1.959.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu đồng). Số tiền còn lại Công ty Đ chưa thanh toán cho Công ty S là: 76.950.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay, Công ty S đề nghị Tòa án nhân dân thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bên bị kiện là Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S số tiền nợ gốc là: 76.950.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính theo lãi suất 9%/năm (0.75%/tháng) tạm tính đến ngày 14/03/2023 là 30.048.285 đồng. Tổng số tiền phải trả: 106.998.285 đồng.

Lãi chậm trả tiếp tục tính từ ngày 15/03/2023 cho đến khi Công ty Đ trả hết nợ gốc tương ứng, theo mức lãi suất là 9%/năm (0.75%/tháng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn tự nguyện không tính lãi chậm trả trong các tháng bị giãn cách toàn xã hội do dịch bệnh covid từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2019) là 3.462.750 đồng.

Ý kiến của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:

Ngày 15/06/2018 giữa Công ty S (Bên bán) và Công ty Đ (Bên mua) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 988/2018/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Nhà máy nông sản Tanifood tại Gò Dầu, Tây Ninh. Công ty Đ có ý kiến sau:

Thứ 1: Công ty Đ đã ứng trước giá trị cho mỗi lần đổ bê tông, sau khi kết thúc công trình hoặc hai bên cân đối chiếu công nợ. Tuy nhiên: Công ty S không tập hợp được bằng khối lượng có xác nhận của các bộ công trường của Công ty

Đ theo đúng hợp đồng; Do đó, không đủ cơ sở để xác định Công ty Đ đang nợ Công ty S một số tiền nợ gốc cụ thể nào đó, tương tự, phần lãi cũng sẽ không có.

Thứ 2: Sản phẩm của Công ty S đã giao đến công trường, nhưng chưa hội đủ các điều kiện kỹ thuật (theo tiêu chuẩn của hợp đồng là TCVN 9340: 2012 – “Hỗn hợp bê tông trộn sẵn – Yêu cầu Cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu” để được gọi là sản phẩm hoàn chỉnh, nên không đủ cơ sở để xác định Công ty Đ đang nợ Công ty S một khối lượng sản phẩm nào đó.

Thứ 3: Đã xảy ra sự cố công trình và thiệt hại vật chất công trình, có nghi ngờ liên quan đến chất lượng bê tông. Tuy nhiên, Công ty S không sẵn sàng hợp tác để giải quyết tranh chấp theo các thông lệ ngành và quy định pháp lý hướng dẫn, dù đã được Công ty Đ có thiện chí giải quyết theo hướng có lợi cho Công ty Thế Giới Nhà.

Thứ 4: Với các dữ kiện như trên, nếu xảy ra trường hợp sử dụng bên thứ 3 để kiểm định chất lượng bê tông, nếu kết quả Công ty S đúng (bê tông tại khối đổ hiện trường đạt chất lượng, trái ngược với bên thứ ba mà chủ đầu tư đã thuê kiểm định toàn bộ công trình) thì Công ty Đ đồng ý thanh toán các khoản nợ gốc và lãi, sau khi hai bên đối chiếu công nợ (với điều kiện là các phiếu giao hàng đều phải có chữ ký của người nhận hàng) và chi phí thẩm định của bên thứ ba. Nếu bê tông không đạt chất lượng (giống với kết luận của bên thứ 3 mà Chủ đầu tư đã thuê kiểm định toàn bộ công trình), thì Công ty S chịu trách nhiệm bồi thường vật chất đối với các thiệt hại do lỗi trực tiếp và gián tiếp do mình gây ra, ước tính là 778.000.000 đồng (nếu điều này xảy ra sẽ được bên mua cung cấp chứng từ cụ thể) và chi phí thẩm định của bên thứ ba.

Thứ 5: Ngoài ra, vì bên mua không thể nghiệm thu bàn giao công trình bể xử lý nước cấp và bể nước thải đúng thời hạn, đã tạo ra lý do để Chủ đầu tư chậm thanh toán cho bên mua hợp đồng với số tiền lên đến 17 tỷ đồng, đến nay là 11 tháng, số tiền lãi (0,6%/tháng) là 1.122.000.000 đồng, bên bán phải có trách nhiệm chi trả 50% vì sự cố công trình.

Thứ 6: Vì chưa hoàn thành chống thấm, chủ đầu tư phải tạm dừng thi công phần đường bê tông và bố hệ tiếp giáp với bể chứa nước cấp và bể chứa nước thải. Tuy nhiên, về liên đới này, Chủ đầu tư chưa có yêu cầu bồi thường. Đồng thời vì chưa hoàn thành chống thấm, Nhà lắp đặt thiết bị xử lý nước cấp bị chậm tiến độ. Tuy nhiên, về liên đới này, Nhà thầu thứ ba có yêu cầu bồi thường.

Từ những phân tích như trên thì Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Công ty Đ thừa nhận thực tế Công ty S và Công ty Đ đang có tranh chấp ở giai đoạn trước khi hình thành khoản nợ tiền cụ thể vì: “chất lượng sản phẩm bê tông trộn sẵn chưa thể nghiệm thu” theo TCVN 9340: 2012 sau khi đã xảy ra sự cố công trình mà theo đó, Công ty S đang cố ý bỏ qua việc kiểm tra hiện trường để tiến hành giải quyết theo các trình tự quy định trong các tiêu chuẩn.

2. Việc khởi kiện với yêu cầu Công ty Đ trả nợ tiền mua hàng của Công ty S là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, vì số tiền nợ trên là do Công ty S đơn phương đưa ra, không có bằng chứng chứng minh đang nợ (cụ thể là không có chữ ký xác nhận đã nhận hàng về khối lượng để đối chiếu) và chưa chứng minh đã bàn giao sản phẩm được sản xuất và cung cấp theo hợp đồng, do chưa nghiệm thu được chất lượng hàng hóa.

Công ty Đ đã thực sự muốn hợp tác khi đã đưa ra các phương án phù hợp cho cả hai bên. Tuy nhiên, đến nay, theo yêu cầu đơn phương của Công ty S, sự việc cần đến phán quyết của tòa án, nếu tiếp tục thì Công ty Đ sẽ thực hiện theo hướng các bên phải chịu bồi thường đầy đủ thiệt hại do trực tiếp và gián tiếp do mình gây ra cho bên kia.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bị đơn không có ý kiến gì về số lượng, không yêu cầu tiến hành kiểm nghiệm và thẩm định chất lượng bê tông đã nhận, đồng thời thừa nhận đang nợ Công ty S số tiền 76.950.000 đồng nhưng không đồng ý trả vì cho rằng chất lượng bê tông đã nhận không đạt theo yêu cầu và hai Công ty không đối chiếu công nợ, nên không có chứng từ gì để chứng minh để buộc Công ty Đ trả nợ.

Bản án kinh doanh thương mại số 597/2023/KDTM-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, Điều 306 luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Siêu thị V toàn bộ nợ gốc và lãi chậm thanh toán là 103.535.535 (Một trăm lẻ ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng) (Trong đó số tiền gốc là 76.950.000 đồng và số tiền lãi là 26.585.535 đồng). Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 15/3/2023 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Siêu thị V không tính lãi đối với Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ từ tháng 11/2018 đến tháng

05/2019 với số tiền là 3.462.750 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 5.176.776 (Năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho Công ty Cổ phần Siêu thị V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0026232 ngày 06/08/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/3/2023 bị đơn kháng cáo phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là Công ty S có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Minh H, bà Phan Thị Ánh D và bị đơn là Công ty Đ có người đại diện theo pháp luật là ông Đinh Xuân T tự nguyện thỏa thuận thống nhất giải quyết vụ án như sau:

Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 76.950.000 đồng : 2 = 38.475.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty S không tính lãi chậm trả đối với Công ty Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Về án phí: Công ty Đ chịu án phí theo quy định pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0307215076 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 19/11/2016 tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại 27/2, Đường số A, Khu phố B, phường P, Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố H nên Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Nguyên đơn và đại diện Bị đơn tự nguyện thỏa thuận giải quyết vụ án như sau:

Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 76.950.000 đồng : 2 = 38.475.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty S không tính lãi chậm trả đối với Công ty Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Về án phí: Công ty Đ chịu án phí theo quy định pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm (sơ thẩm không có lỗi) và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là Công ty Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 148, Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 597/2023/KDTM-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Siêu thị V và bị đơn là Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ giải quyết vụ án như sau:

Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Siêu thị V $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc 76.950.000 đồng : 2 = 38.475.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Siêu thị V không tính lãi chậm trả đối với Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Siêu thị V số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2018/0026232 ngày 06/08/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đ phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí phúc thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai số AA/2023/0002705 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS TP Thủ Đức;
- TAND TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo